

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Công trình:  
Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gõ,  
xã Trà Thanh (DA Nà Kpáo), huyện Tây Trà (nay là huyện Trà Bồng)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;*

*Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gõ, xã Trà Thanh (DA Nà Kpáo), huyện Tây Trà;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1872/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; số 2018/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 về việc phê duyệt và điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gõ, xã Trà Thanh (DA Nà Kpáo), huyện Tây Trà;*

*Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh tại văn bản số 195/BDT-VP ngày 25/3/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 86/BC-STC ngày 25/5/2020 của Sở Tài chính Quảng Ngãi,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành**

- Tên công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gõ, xã Trà Thanh (DA Nà Kpáo), huyện Tây Trà (nay là huyện Trà Bồng).

- Chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh.

- Địa điểm xây dựng: Xã Trà Thanh, huyện Tây Trà (nay là huyện Trà Bồng), tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Khởi công tháng 02/2017, hoàn thành tháng 01/2020.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nguồn	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>12.655.321.000</b>	<b>12.534.207.000</b>	<b>121.114.000</b>
Ngân sách Trung ương	12.534.207.000	12.534.207.000	0
Ngân sách tỉnh	121.114.000	0	121.114.000

### 2. Chi phí đầu tư quyết toán:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>12.695.830.773</b>	<b>12.655.321.000</b>
1. Đền bù, GPMB	2.172.238.292	2.172.238.000
2. Chi phí xây dựng, thiết bị (bao gồm chi phí hạng mục chung + nghiệm thu hệ thống điện)	9.213.170.944	9.210.463.000
3. Chi phí quản lý dự án	186.721.011	182.132.000
4. Chi phí tư vấn ĐTXD	910.530.262	909.801.000
5. Chi phí khác	213.170.264	180.687.000

*(Chi tiết có Phụ lục số I kèm theo)*

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
<b>Tổng số</b>	<b>0</b>		<b>12.655.321.000</b>	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	0		12.655.321.000	
2. Tài sản ngắn hạn	0		0	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.**

## 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Nguồn</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng số</b>	<b>12.655.321.000</b>	
Ngân sách Trung ương	12.534.207.000	
Ngân sách tỉnh	121.114.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 121.114.000 đồng.

Ban Dân tộc tỉnh (chủ đầu tư) có trách nhiệm trình cấp thẩm quyền bố trí vốn ngân sách tỉnh 121.114.000 đồng để trả nợ.

*(Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại phụ lục số II kèm theo).*

## 2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản dài hạn /cố định</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>
UBND huyện Trà Bồng	12.655.321.000	0

## 3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

Ban Dân tộc tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 86/BC-STC ngày 19/5/2020 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KT), CBTH;
- Lưu: VT, KTbngoc176.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Phiên**

Phụ lục số I

**BẢNG FÔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN**

**Công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gổ, xã Trà Thanh (ĐA Nà Kpáo), huyện Tây Trà (nay là huyện Trà Bông)**

( Kèm theo Quyết định số: 850 /QĐ-UBND ngày 11 / 6 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>2,172,238,292</b>	<b>2,172,238,000</b>	<b>2,172,238,000</b>	<b>-292</b>	<b>0</b>
1	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp	2,108,969,216	2,108,969,000	2,108,969,000	-216	0
2	Phục vụ bồi thường GPMB	63,269,076	63,269,000	63,269,000	-76	0
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng, thiết bị (bao gồm chi phí hạng mục chung + nghiệm thu hệ thống điện)</b>	<b>9,213,170,944</b>	<b>9,210,463,000</b>	<b>9,210,463,000</b>	<b>-2,707,944</b>	<b>0</b>
1	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Phúc Sang (thực hiện công trình giao thông; hạ tầng kỹ thuật (không bao gồm công trình cấp nước sinh hoạt); bao gồm hạng mục chung)	6,030,836,450	6,030,144,000	6,030,144,000	-692,450	0
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng Đại Vinh (thực hiện công trình cấp nước sinh hoạt; bao gồm hạng mục chung)	1,165,879,716	1,164,298,000	1,164,298,000	-1,581,716	0
3	Công ty TNHH Việt Sơn (thực hiện công trình điện; bao gồm hạng mục chung và chi phí nghiệm thu hệ thống điện)	2,016,454,779	2,016,021,000	2,016,021,000	-433,779	0
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>186,721,011</b>	<b>186,721,000</b>	<b>182,132,000</b>	<b>-4,589,011</b>	<b>-4,589,000</b>
1	Ban Quản lý dự án 33 (Ban Dân tộc)	1	144,668,000	144,668,000		0



STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi		42,053,000	37,464,000		-4,589,000
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>910,530,262</b>	<b>909,802,000</b>	<b>909,801,000</b>	<b>-729,262</b>	<b>-1,000</b>
1	Khảo sát địa hình, địa chất	334,935,000	334,934,000	334,934,000	-1,000	0
1.1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	329,098,000	329,098,000	329,098,000	0	0
-	<i>Phân giao thông + hạ tầng kỹ thuật</i>	329,098,000	329,098,000	329,098,000	0	0
1.2	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Miền Trung	5,837,000	5,836,000	5,836,000	-1,000	0
-	<i>Phân điện</i>	5,837,000	5,836,000	5,836,000	-1,000	0
2	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	271,342,133	271,342,000	271,342,000	-133	0
2.1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	203,705,103	203,705,000	203,705,000	-103	0
-	<i>Phân giao thông</i>	65,204,199	65,204,000	65,204,000	-199	0
-	<i>Phân hạ tầng kỹ thuật</i>	138,500,904	138,501,000	138,501,000	96	0
2.2	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Miền Trung	67,637,030	67,637,000	67,637,000	-30	0
-	<i>Phân điện</i>	67,637,030	67,637,000	67,637,000	-30	0
3	Giám sát thi công xây dựng công trình	205,581,572	204,922,000	204,921,000	-660,572	-1,000
3.1	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Đức Việt	153,628,252	153,627,000	153,627,000	-1,252	0
-	<i>Phân giao thông</i>	59,661,842	59,661,000	59,661,000	-842	0
-	<i>Phân hạ tầng kỹ thuật</i>	93,966,410	93,966,000	93,966,000	-410	0
3.2	Công ty TNHH Xây dựng Bình An Quảng Ngãi	51,953,320	51,295,000	51,294,000	-659,320	-1,000
-	<i>Phân điện</i>	51,953,320	51,295,000	51,294,000	-659,320	-1,000
4	Trích đo bản đồ địa chính khu đất	81,204,000	81,204,000	81,204,000	0	0
5	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSĐT	17,467,557	17,400,000	17,400,000	-67,557	0
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>213,170,264</b>	<b>180,687,000</b>	<b>180,687,000</b>	<b>-32,483,264</b>	<b>0</b>
1	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	21,102,625	21,101,000	21,101,000	-1,625	0
+	<i>Phân giao thông</i>	4,551,592	4,551,000	4,551,000	-592	0

STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) số với dự toán	Tăng (+), giảm (-) số với số đơn vị
+	Phần hạ tầng kỹ thuật	10,319,120	10,319,000	10,319,000	-120	0
+	Phần điện	6,231,913	6,231,000	6,231,000	-913	0
2	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2,432,000	2,432,000	2,432,000	0	0
3	Bảo hiểm công trình	21,960,505	21,960,000	21,960,000	-505	0
4	Thẩm định HSM/T và kết quả đấu thầu	8,733,778	0	0	-8,733,778	0
5	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	1,746,756	0	0	-1,746,756	0
6	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	22,000,000	0	0	-22,000,000	0
7	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	53,722,000	53,722,000	53,722,000	0	0
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	81,472,600	81,472,000	81,472,000	-600	0
VI	Dự phòng	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>12,695,830,773</b>	<b>12,659,911,000</b>	<b>12,655,321,000</b>	<b>-40,509,773</b>	<b>-4,590,000</b>

**Phụ lục số II**  
**BẢNG CÔNG NỢ**

**Công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gổ, xã Trà Thanh (ĐA Nà Kpáo), huyện Tây Trà (nay là huyện Trà Bồng)**

*Kiểm tra*  
**Quyết định số: 830/QĐ-UBND ngày 11 / 6 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)**



*Đơn vị tính: đồng*

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
<b>I</b>		Chi phí bồi thường, GPMB	<b>2,172,238,000</b>	<b>2,172,238,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
			Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp	2,108,969,000	2,108,969,000	0
1	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện Tây Trà	Phục vụ bồi thường GPMB	63,269,000	63,269,000	0	0
<b>II</b>		Chi phí xây dựng, thiết bị (bao gồm chi phí hàng mục chung + nghiệm thu hệ thống điện)	<b>9,210,463,000</b>	<b>9,210,463,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Phúc Sang	Xây dựng công trình	6,030,144,000	6,030,144,000	0	0
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng Đại Vinh	Xây dựng công trình	1,164,298,000	1,164,298,000	0	0
3	Công ty TNHH Việt Sơn	Xây dựng, thiết bị công trình	2,016,021,000	2,016,021,000	0	0
<b>III</b>		Chi phí quản lý dự án	<b>182,132,000</b>	<b>165,694,000</b>	<b>0</b>	<b>16,438,000</b>
1	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý dự án	144,668,000	144,668,000	0	0
2	Ban Quản lý dự án DTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý dự án	37,464,000	21,026,000	0	16,438,000

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
IV		<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>909,801,000</b>	<b>886,597,000</b>	<b>0</b>	<b>23,204,000</b>
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	Khảo sát địa hình, địa chất và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (phần giao thông + hạ tầng kỹ thuật)	532,803,000	532,803,000	0	0
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Miền Trung	Khảo sát địa hình và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (phần điện)	73,473,000	73,473,000	0	0
3	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Đức Việt	Giám sát thi công xây dựng công trình (phần giao thông + hạ tầng kỹ thuật)	153,627,000	153,627,000	0	0
4	Công ty TNHH Xây dựng Bình An Quảng Ngãi	Giám sát thi công xây dựng công trình (phần điện)	51,294,000	51,294,000	0	0
5	Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ Trắc địa và Môi trường	Trích đo bản đồ địa chính khu đất	81,204,000	58,000,000	0	23,204,000
6	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Long	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT	17,400,000	17,400,000	0	0
V		<b>Chi phí khác</b>	<b>180,687,000</b>	<b>99,215,000</b>	<b>0</b>	<b>81,472,000</b>
1	Sở Xây dựng Quảng Ngãi	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và báo cáo kinh tế - kỹ thuật (phần hạ tầng kỹ thuật)	12,751,000	12,751,000	0	0
2	Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (phần giao thông)	4,551,000	4,551,000	0	0
3	Sở Công thương Quảng Ngãi	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (phần điện)	6,231,000	6,231,000	0	0



STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
4	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi	Bảo hiểm công trình	21,960,000	21,960,000	0	0
5	Công ty TNHH Dịch vụ và Công nghệ Môi trường xanh	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	53,722,000	53,722,000	0	0
6	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	81,472,000	0	0	81,472,000
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>12,655,321,000</b>	<b>12,534,207,000</b>	<b>0</b>	<b>121,114,000</b>

2000